|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /XN-UBND |  *Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024* |

BẢN XÁC NHẬN

Khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch

khai thác đất san lấp, đá đắp nền trong diện tích Dự án thành phần

 đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ

 cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025

*(Nhà thầu thi công: Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải)*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 64 Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 903/QĐBGTVT ngày 13/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1225/QĐ-BTNMT ngày 08/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung các khu vực khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 2882/STNMT-KS ngày 02/7/2024 và Văn bản số 3197/STNMT-KS ngày 19/7/2024 (kèm theo Bản đăng ký ngày 20/6/2024 và Hồ sơ liên quan của Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải); sau khi các Thành viên UBND tỉnh đồng ý qua Phiếu biểu quyết.*

XÁC NHẬN:

1. Khu vực khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất san lấp, đá đắp nền) trong diện tích Gói thầu XL01 (Km576+281,89 - Km581+100), Dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021- 2025, được phê duyệt tại Quyết định số 903/QĐBGTVT ngày 13/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải với các nội dung sau:

- Diện tích khu vực khai thác: 22,99ha (gồm 03 khu vực trên địa bàn thị xã Kỳ Anh, 03 khu vực trên bàn huyện Kỳ Anh, có toạ độ nêu tại Phụ lục kèm theo).

- Khối lượng khoáng sản được phép khai thác:

+ Đá đắp nền: 48.926,36m3.

+ Đất san lấp: 472.545,95m3.

- Công suất được phép khai thác: 297.984,18 m3/năm.

- Mức sâu khai thác: bằng cao độ thiết kế nền đường của Dự án đã được phê duyệt.

- Thời hạn khai thác: đến ngày 20/12/2024 (theo kế hoạch thi công Gói thầu XL 01 được nhà thầu thi công đăng ký).

- Phương pháp khai thác: lộ thiên.

- Thiết bị khai thác: máy khoan, máy đào, máy ủi, ôtô vận chuyển, máy xúc lật, máy san (theo Bản đăng ký ngày 20/6/2024 của Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải).

- Mục đích sử dụng khoáng sản: đất san lấp, đá đắp nền được khai thác, thu hồi làm vật liệu phục vụ thi công Gói thầu XL 01, Dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

2. Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải (đơn vị đề xuất), Ban Quản lý Dự án 6 (đơn vị đề xuất, phối hợp), UBND huyện Kỳ Anh, UBND thị xã Kỳ Anh (đơn vị phối hợp), Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan thẩm định, tham mưu) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan liên quan về hồ sơ khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị, kế hoạch khai thác, bảo vệ môi trường, phương pháp tính toán, phạm vi sử dụng vật liệu tại các Văn bản nêu trên và quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo thuân thủ quy định của pháp luật về khoáng sản, môi trường, đất đai, các quy định có liên quan.

3. Công ty TNHH Tập Đoàn Sơn Hải chịu trách nhiệm:

- Nộp một lần đầy đủ số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định; thực hiện việc khai thác khoáng sản đá, đất san lấp theo đúng khối lượng, công suất, kế hoạch, thời gian, phương pháp và hồ sơ đăng ký; chỉ cung cấp khoáng sản để thi công Gói thầu XL 01, Dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

- Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình, an toàn lao động; thực hiện đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1225/QĐ-BTNMT ngày 08/6/2022; tuyệt đối không được khai thác ngoài phạm vi Dự án và khu vực đã đăng ký, vận chuyển, đưa khoáng sản ra ngoài để tiêu thụ, sử dụng sai mục đích và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra vi phạm trong quá trình triển khai.

- Thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản khai thác thực tế để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về sản lượng khai thác thực tế (có xác nhận của Chủ đầu tư dự án) để xác định trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chính thức theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

4. Ban Quản lý Dự án 6 (Chủ đầu tư): quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát Nhà thầu thi công thực hiện khai thác, thu hồi, sử dụng khoáng sản trong phạm vi diện tích Dự án theo đúng phạm vi, diện tích, mục đích đã đăng ký, xác nhận; bảo đảm chặt chẽ về hồ sơ, số liệu, khối lượng khoáng sản khai thác, sử dụng của nhà thầu thi công, việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng quy định, không để xảy sai phạm trong quá trình thực hiện.

5. Cục Thuế tỉnh: thực hiện các biện pháp để yêu cầu, đôn đốc Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, kê khai nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường… theo đúng quy định.

6. UBND thị xã Kỳ Anh, UBND huyện Kỳ Anh, UBND các xã: Kỳ Hoa, Kỳ Lạc: thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản và chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải; nếu phát hiện có sai phạm, kịp thời xử lý, trường hợp vượt quá thẩm quyền, báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để xử lý theo quy định.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, tổng hợp các vấn đề có liên quan trong quá trình thực hiện việc khai thác, thu hồi khoáng sản (đá đắp nền, đất san lấp) nêu trên, báo cáo, tham mưu UBND tỉnh xử lý các nội dung phát sinh theo đúng quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Bộ Tài nguyên và Môi trường;- Bộ Giao thông Vận tải;- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;- Ban QLDA 6;- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường,  Xây dựng, Giao thông vận tải;- Cục Thuế tỉnh;- UBND: huyện Kỳ Anh; thị xã Kỳ Anh;- UBND các xã: Kỳ Lạc, Kỳ Hoa;- Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải;- Chánh VP, PCVP UBND tỉnh;- Trung tâm CB-TH tỉnh;- Lưu: VT, NL. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH** **Trần Báu Hà** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **TỈNH HÀ TĨNH** |  |

 PHỤ LỤC

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐĂNG KÝ KHAI THÁC**

 *(Kèm theo Bản xác nhận số: /XN-UBND ngày /7/2024 của UBND tỉnh)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số hiệu điểm** | **Hệ tọa độ VN2000KTT 105030', múi 30** | **Diện tích, (ha)** |
| **X (m)** | **Y (m)** |
| **I** | **KV1 (Km576+281,89÷Km576+400)** |   |
| 1 | **1** | 1989344,943 | 582063,175 | **0,99** |
| 2 | **2** | 1989276,416 | 582081,367 |
| 3 | **3** | 1989238,701 | 582055,318 |
| 4 | **4** | 1989231,996 | 582003,128 |
| 5 | **5** | 1989264,063 | 581987,711 |
| 6 | **6** | 1989352,785 | 581976,528 |
| 7 | **7** | 1989358,529 | 582006,100 |
| **II** | **KV2 (Km576+600÷Km577+060)** |   |
| 1 | **1** | 1988914,991 | 582264,258 | **3** |
| 2 | **2** | 1988865,652 | 582280,043 |
| 3 | **3** | 1988776,327 | 582243,184 |
| 4 | **4** | 1988687,842 | 582245,446 |
| 5 | **5** | 1988653,053 | 582261,199 |
| 6 | **6** | 1988629,960 | 582208,274 |
| 7 | **7** | 1988773,632 | 582152,991 |
| 8 | **8** | 1988884,620 | 582125,484 |
| 9 | **9** | 1988908,895 | 582109,146 |
| 10 | **10** | 1988946,319 | 582165,215 |
| **III** | **KV3 (Km577+174,8÷Km577+800)** |  |
| 1 | **1** | 1988143,122 | 582453,076 | **2,72** |
| 2 | **2** | 1988069,436 | 582473,120 |
| 3 | **3** | 1988032,491 | 582493,970 |
| 4 | **4** | 1987931,096 | 582502,587 |
| 5 | **5** | 1987910,286 | 582406,825 |
| 6 | **6** | 1987968,529 | 582369,443 |
| 7 | **7** | 1988019,711 | 582319,597 |
| 8 | **8** | 1988053,250 | 582366,391 |
| 9 | **9** | 1988106,198 | 582328,317 |
| 10 | **10** | 1988136,693 | 582440,831 |
| **IV** | **KV4 (Km578+330÷Km579+140)** |   |
| 1 | **1** | 1987387,241 | 582675,066 | **8,31** |
| 2 | **2** | 1987333,798 | 582694,834 |
| 3 | **3** | 1987213,185 | 582723,065 |
| 4 | **4** | 1987174,164 | 582765,069 |
| 5 | **5** | 1987092,932 | 582764,577 |
| 6 | **6** | 1987059,760 | 582787,479 |
| 7 | **7** | 1987039,228 | 582758,626 |
| 8 | **8** | 1986880,953 | 582804,980 |
| 9 | **9** | 1986659,165 | 582864,950 |
| 10 | **10** | 1986636,174 | 582852,221 |
| 11 | **11** | 1986620,955 | 582801,005 |
| 12 | **12** | 1986629,246 | 582691,960 |
| 13 | **13** | 1986639,095 | 582692,769 |
| 14 | **14** | 1986643,350 | 582780,862 |
| 15 | **15** | 1986693,105 | 582780,937 |
| 16 | **16** | 1986748,301 | 582762,692 |
| 17 | **17** | 1986832,240 | 582727,563 |
| 18 | **18** | 1986854,171 | 582715,692 |
| 19 | **19** | 1986932,881 | 582700,277 |
| 20 | **20** | 1986987,745 | 582648,554 |
| 21 | **21** | 1987101,476 | 582604,932 |
| 22 | **22** | 1987180,231 | 582607,016 |
| 23 | **23** | 1987211,689 | 582635,345 |
| 24 | **24** | 1987298,960 | 582594,084 |
| 25 | **25** | 1987385,610 | 582586,330 |
| **V** | **KV5 (Km579+660÷Km580+050)** |  |
| 1 | **1** | 1986130,618 | 582995,408 | **3,87** |
| 2 | **2** | 1986101,361 | 582993,644 |
| 3 | **3** | 1986094,454 | 583003,080 |
| 4 | **4** | 1986059,230 | 582995,147 |
| 5 | **5** | 1986026,460 | 582999,837 |
| 6 | **6** | 1986005,035 | 583061,983 |
| 7 | **7** | 1985955,568 | 583085,531 |
| 8 | **8** | 1985877,577 | 583105,916 |
| 9 | **9** | 1985785,495 | 583123,388 |
| 10 | **10** | 1985765,512 | 583122,152 |
| 11 | **11** | 1985742,478 | 583051,153 |
| 12 | **12** | 1985825,560 | 583017,383 |
| 13 | **13** | 1985925,765 | 582962,375 |
| 14 | **14** | 1985996,806 | 582942,619 |
| 15 | **15** | 1986064,483 | 582900,741 |
| 16 | **16** | 1986099,410 | 582892,400 |
| **VI** | **KV6 (Km580+680÷Km581+100)** |   |
| 1 | **1** | 1985189,549 | 583433,507 | **4,1** |
| 2 | **2** | 1985083,142 | 583485,941 |
| 3 | **3** | 1985088,598 | 583521,031 |
| 4 | **4** | 1985084,777 | 583524,127 |
| 5 | **5** | 1985049,058 | 583496,293 |
| 6 | **6** | 1985005,958 | 583518,242 |
| 7 | **7** | 1985000,682 | 583528,540 |
| 8 | **8** | 1984988,094 | 583536,370 |
| 9 | **9** | 1984941,614 | 583580,443 |
| 10 | **10** | 1984887,451 | 583606,855 |
| 11 | **11** | 1984848,201 | 583638,640 |
| 12 | **12** | 1984793,000 | 583533,703 |
| 13 | **13** | 1984859,811 | 583507,441 |
| 14 | **14** | 1984959,686 | 583455,654 |
| 15 | **15** | 1984958,127 | 583450,036 |
| 16 | **16** | 1984974,932 | 583441,218 |
| 17 | **17** | 1984980,839 | 583447,939 |
| 18 | **18** | 1985031,523 | 583403,395 |
| 19 | **19** | 1985082,114 | 583385,136 |
| 20 | **20** | 1985127,511 | 583359,226 |
| 21 | **21** | 1985107,120 | 583330,402 |
| 22 | **22** | 1985113,119 | 583325,161 |
| 23 | **23** | 1985148,963 | 583347,252 |
| 24 | **24** | 1985166,731 | 583335,523 |
| 25 | **25** | 1985199,740 | 583397,967 |
| **Tổng cộng** | **22,99** |